TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HOÀ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 5 - 2021
"V/v: *Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng Xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trương Thị Kim Tiến.
2. Ông Lý Văn Hùng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lê Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân, gia đình thụ lý số: 374/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự**:**

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Tấn B, sinh năm: 1979.
Địa chỉ: Ấp J, xã X, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Ngọc N, sinh năm: 1983.
Địa chỉ: Ấp J, xã X, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Hai bên đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 07 tháng 4 năm 2021 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Đỗ Tấn B trình bày: Ông Đỗ Tấn B và bà Trần Thị Ngọc N chung sống với nhau vào năm 2007 đến năm 2008 có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa H, huyện Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng ngày 28 tháng 3 năm 2008. Vợ chồng sống chung với nhau không hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cải vã, sống không hợp nhau. Nay ông B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Quang S, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2007 và Đỗ Thanh T, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2014. Khi ly hôn, ông B đồng ý giao 02 con chung cho bà N nuôi con và ông B không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc N trình bày: Bà N xác nhận lời trình bày của ông B về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa bà N và ông B theo ông B trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì trầm trọng chỉ do ông B có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài nên về yêu cầu ly hôn bà. Nay ông B xin ly hôn, bà N không đồng ý vì còn thương chồng, thương con.

Nếu Tòa án cho ly hôn;

Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Quang S, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2007 và Đỗ Thanh T, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2014. Khi ly hôn, bà N xin được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ theo pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông B và bà N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, tranh tụng tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn bà Trần Thị Ngọc N có hộ khẩu thường trú tại ấp J, xã X, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Theo xác nhận của Công an xã Hóa Khánh Tây ngày 07 tháng 4 năm 2021) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông B thay đổi yêu cầu khởi kiện "Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết". Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông B tại phiên tòa ngày hôm nay là phù hợp với quy định tại Điều 5 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Tấn B và bà Trần Thị Ngọc N chung sống với nhau vào năm 2007 đến năm 2008 có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa H, huyện Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng ngày 28 tháng 3 năm 2008 nên quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà N là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông B và bà N chung sống với nhau không hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cải vã, cuộc sống không hợp nhau dù hai bên đã cố gắng hàn gắn để kéo dài cuộc sống hôn nhân nhưng không được. Tại phiên tòa, ông B tha thiết xin được ly hôn với bà N. Ngược lại, bà N không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn nào được bông B chấp nhận. Ngoài ra, bà N cho rằng ông B có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài nên về yêu cầu ly hôn bà N. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa ông B và bà N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, ông B yêu cầu được xin ly hôn với bà N là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông B và bà N thống nhất khai, vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Đỗ Quang S, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2007 và Đỗ Thanh T, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2014 hiện bà N đang nuôi. Nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn, ông B và bà N thỏa thuận: Bà N được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên Đỗ Quang S, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2007 và Đỗ Thanh T, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2014 và ông B không phải cấp dưỡng nuô con vì bà N không yêu cầu. Mặt khác, tại phiên tòa thì cháu S và cháu T đã đủ 07 tuổi có nguyện vọng sống với bà N. Xét sự thỏa thuận về việc giao con chung cho một bên nuôi sau khi ly hôn giữa ông B và bà N là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Ông B và bà N thống nhất khai, tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông B và bà N thống nhất khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Buộc ông Đỗ Tấn B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 5, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án;

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tấn B xin ly hôn với bà Trần Thị Ngọc N.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Tấn B được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc N.

- Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc N được quyền tiếp tục nuôi con chung 02 con chung tên Đỗ Quang S, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2007 và Đỗ Thanh T, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2014 hiện bà N đang nuôi. Ông Đỗ Tấn B không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà N không yêu cầu.

Ông B có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom các cháu S, T mà không ai được cản trở. Trường hợp ông B lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông B theo quy định của pháp luật. Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của ông B.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì ông B, bà N, người thân thích của các cháu S, T, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Ông Đỗ Tấn B phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ông B đã nộp theo biên lai số 7913 ngày 12 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND xã Hòa H, huyện Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Hiệp